TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2024/HS-ST
Ngày 20-5-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Ngọc (Giáo viên nghỉ hưu).

Bà Trương Thị Thái (Giáo viên nghỉ hưu).

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Sơn Dũng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với:

Bị cáo: **N.H.C**, sinh năm 19… tại thành phố Hà Nội. Nơi thường trú và nơi ở: Thôn P, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.H.H1 và bà N.T.T1; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là P.T.H2 và 03 con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2017); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/11/2004, bị Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Dâm ô đối với trẻ em, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng; bị tạm giữ từ ngày 16/8/2023, tạm giam từ ngày 22/8/2023; danh chỉ bản số 476, lập ngày 21/8/2023 tại Công an huyện Thanh Trì. Hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa*.

Bị hại:

- Cháu C.T.T, sinh ngày ../../20... Nơi thường trú: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. *Xin vắng mặt tại phiên tòa*.

- Cháu T.M.N (Huyền), sinh ngày ../../20... Nơi thường trú: Xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt tại phiên tòa*.

- Cháu B.M.S (Trang), sinh ngày ../../20... Nơi thường trú: Xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. *Xin vắng mặt tại phiên tòa*.

Người đại diện hợp pháp của cháu T, cháu N, cháu S: Bà B.T.M1 - Hội trưởng Hội phụ nữ xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu T, cháu N, cháu S: Bà N.T.N1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội - Chi nhánh số 3. *Có mặt tại phiên tòa.*

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu V.V.B, sinh ngày 25/02/2009. Nơi thường trú: Thôn A, xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

Người đại diện hợp pháp của cháu B: Bà L.T.H3 - Chuyên viên Huyện đoàn Thanh Trì. *Có mặt tại phiên tòa.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu B: Bà Đ.T.P.M2 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội - Chi nhánh số 3. *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2023, N.H.C (Còn gọi là T2) nhận thấy khách đến các quán karaoke tại huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội có nhu cầu sử dụng nhân viên nữ trẻ phục vụ, nên C đã đăng tin lên mạng xã hội Facebook với nội dung cần thuê nhân viên bán quần áo tại Hà Nội, mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Khoảng đầu tháng 6/2023, cháu L.T.Y (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch), cháu T.M.N (Sinh ngày ../../20..; nơi thường trú: Xã P, huyện N, tỉnh Cao Bằng) liên hệ với C xin làm nhân viên bán quần áo. C đã gửi địa chỉ và bảo cháu Y, cháu Nđi xe taxi đến cửa hàng quần áo HƯ ở Đội …, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội.

Khoảng ngày 01/6/2023, cháu L.T.Y rủ cháu C.T.T (Sinh ngày ../../20.., nơi thường trú: Bản H, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La) đi xe taxi đến cửa hàng quần áo HƯ gặp C để xin việc. Khi cháu T và cháu Y đến nơi, C trả tiền thuê xe taxi, đưa quần áo cho cháu T, cháu Yến mặc và đưa cháu T, cháu Y đến quán karaoke … tại xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội. Tại đây, C dùng tay sờ vào ngực, mông, bộ phận sinh dục (Sờ ngoài quần áo) của cháu T (Tại thời điểm này cháu T mới 14 tuổi 5 tháng) rồi bảo cháu T, cháu Y phục vụ khách tại quán karaoke nhưng cháu T, cháu Y không đồng ý, nên C đã đưa cháu T, cháu Y về phòng trọ tại thôn T, xã

N, huyện T, thành phố Hà Nội. C khóa cửa nhốt cháu T, cháu Y ở bên trong phòng trọ, rồi bỏ đi đến ngày hôm sau quay lại mua đồ ăn cho cháu T, cháu Y. C nói cháu T, cháu Y phải đi làm ở quán karaoke để trả nợ tiền mua quần áo, tiền taxi cho C, thì C mới cho ra ngoài, C sẽ trả lương cho cháu T, cháu Y khoảng 10.000.000 đồng/tháng, khách cho thêm thì cháu T, cháu Y được hưởng, không phải bán dâm, nên cháu T, cháu Y đồng ý. Sau đó, hàng ngày, C chỉ đạo V.V.B (Sinh ngày ../../20..; nơi thường trú: Xã Đ, huyện P, thành phố Hà Nội) - nhân viên của C đưa cháu T, cháu Y đi làm tại quán karaoke. Đến đêm khuya, B đưa cháu T, cháu Y về khóa cửa nhốt vào phòng trọ, ban ngày B khóa cửa phòng trọ không cho cháu T, cháu Y đi đâu. Sau khi đi làm được 02 ngày, lợi dụng lúc B cho ra ngoài để đi làm, cháu Y đã bỏ trốn, còn cháu T bị nhốt lại phòng trọ một mình. Do cháu T không có điện thoại, nên không liên lạc được với gia đình.

Khoảng ngày 11/6/2023, cháu T.M.N rủ cháu B.M.S (Còn gọi là Trang, sinh ngày ../../20.., nơi thường trú: Xã B, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) và cháu Đ.T.H (Hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch) đi xe taxi đến cửa hàng quần áo HƯ gặp C để xin việc. Khi đến nơi, C thanh toán tiền thuê xe taxi và nói với cháu N, cháu S, cháu H về công việc phục vụ tại quán karaoke, với mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng, tiền khách cho thêm, thì cháu N, cháu S, cháu H được nhận, không phải bán dâm, nên cháu N, cháu S, cháu H đồng ý. Sau đó, C đưa quần áo cho cháu N, cháu S, cháu H để mặc và cùng với B đưa cháu N, cháu S, cháu H đến quán karaoke … tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội để dạy cách phục vụ khách. Tại quán karaoke …, C đã dùng hai tay ôm cháu N, cháu S, cháu H từ phía sau, rồi sờ vào ngực, bộ phận sinh dục của từng cháu (Tại thời điểm này, cháu N 11 tuổi 5 tháng 23 ngày, cháu S 13 tuổi 6 tháng 24 ngày), sau đó C đưa các cháu về phòng trọ tại thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Khi đến phòng trọ, cháu C.T.T cũng đang ở đây. C khóa cửa, bắt cháu N, cháu S, cháu H, cháu T phải ở trong phòng trọ, không được tự do đi ra ngoài. C tiếp tục chỉ đạo V.V.B canh gác, quản lý cháu T, cháu N, cháu S, cháu H. Khi B và C không có ở phòng trọ, thì sẽ khóa bên ngoài cửa phòng trọ. Khi B ở trong phòng trọ cùng cháu T, cháu N, cháu S, cháu H, thì B khóa cửa bên trong. C giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO của cháu N để không cho cháu N gọi điện thoại về nhà. Cháu S không có dây sạc điện thoại, nên không thể liên lạc về nhà. B cũng cấm cháu T, cháu N, cháu S dùng điện thoại để gọi về nhà. Khi có khách ở quán karaoke có nhu cầu gọi nhân viên phục vụ, B mở cửa phòng trọ và chở cháu T, cháu N, cháu S, cháu H đến quán karaoke phục vụ khách, khi nào xong, thì B chở cháu T, cháu N, cháu S, cháu H về phòng trọ và khóa cửa lại. Lợi dụng lúc B cho ra ngoài phơi quần áo, cháu H đã bỏ trốn. Trong thời gian ở phòng trọ, C nhiều lần có hành vi sờ vào các bộ phận cơ thể nhạy cảm của cháu T, cháu N, cháu S, cụ thể:

- Khoảng chiều ngày 13/6/2023, khi cháu S đang nằm ngủ trong phòng, C đã dùng tay ôm eo, một tay sờ đùi, sờ ngực bên ngoài áo và luồn tay sờ trực tiếp vào ngực của cháu S. Cháu S không đồng ý dùng tay đẩy mạnh C ra, thì cháu C không sờ vào người cháu S nữa.

- Khoảng chiều ngày 14/6/2023, C đến phòng trọ, thấy cháu T đang ngủ, C đã dùng một tay ôm eo, một tay sờ đùi, sờ ngực cháu T. Cháu T tỉnh dậy, đẩy tay C ra, thì C không tiếp tục sờ vào cháu T nữa.

- Khoảng ngày 15/6/2023, C bảo cháu S lên xe ô tô của C và chở cháu S đi đến nhà nghỉ L (Số …, cụm …, xã D, huyện T, thành phố Hà Nội) và dẫn cháu S lên phòng tầng 2 của nhà nghỉ. C kéo cháu S nằm lên giường, C nằm xuống giường cạnh cháu S rồi dùng tay trái ôm eo cháu S, tay phải luồn vào bên trong áo cháu S và sờ trực tiếp vào hai bên ngực cháu S. Tiếp đó, C dùng tay sờ vào đùi cháu S. Do sợ C, cháu S không dám hô hoán, mà chỉ dùng tay đẩy tay C ra và nói không cho C tiếp tục sờ vào người. C tiếp tục cởi quần áo C đang mặc, rồi dùng tay cởi quần của cháu S đang mặc nhưng cháu S dùng tay kéo quần lên, không cho C cởi, nên C không cởi quần của cháu S nữa. C tiếp tục sờ vào đùi, ngực của cháu S và định dùng tay sờ vào âm đạo bên ngoài quần của cháu S nhưng cháu S dùng tay đẩy tay của C ra. C nằm đè lên người cháu S và dùng dương vật cọ xát vào đùi của cháu S, dùng tay sờ vào ngực, mông, đùi của cháu S khoảng 30 phút, rồi xuất tinh lên đùi của cháu S. Sau đó, C mặc quần áo, đưa cháu S đi về. Chị P.T.H3 (Vợ C), chị N.T.H.U (Con gái C) biết việc C đưa cháu S đi nhà nghỉ, nên đã dùng tay đánh cháu S làm cháu S bị sưng má.

- Khoảng trưa ngày 16/6/2023, C đến phòng trọ, thấy cháu N đang ngủ, nên đã dùng một tay ôm eo, một tay sờ đùi, sờ ngực cháu N. Sau đó, cháu N tỉnh dậy, dùng tay đẩy ra, thì C không tiếp tục sờ vào cháu N nữa.

Khoảng ngày 18/6/2023, do B bị ngã xe, không thể đưa cháu T, cháu N, cháu S đi làm được, nên C đã đưa cháu T, cháu N, cháu S về cửa hàng quần áo HƯ và cho cháu T, cháu N, cháu S ở trên gác xép. Cháu T, cháu N, cháu S được tự do đi lại trong nhà, không ai khóa cửa nhà nhưng C đe dọa các cháu không được đi ra khỏi cổng nhà, trừ khi được đưa đi làm ở quán karaoke. Đến ngày 19/6/2023, cháu S sạc được điện thoại và đã nhắn tin gửi vị trí của cháu S cho chú họ là anh T.T.T4 (Sinh năm 19…; nơi thường trú: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn). Anh T4 đã đến trình báo Công an xã Đ, huyện T để giải cứu.

Hồi 15 giờ ngày 20/6/2023, Công an xã Đ kiểm tra hành chính tại cửa hàng quần áo HƯ ở Đội …, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội, phát hiện trên gác xép phía sau cửa hàng có cháu T, cháu N, cháu S đang nằm ở sàn nhà, không bị trói buộc; tại tầng 01 có V.V.B, N.H.C và 02 nam thanh niên không rõ lai lịch. Công an xã Đ đã mời những người liên quan về trụ sở làm việc nhưng C và 02 nam thanh niên không chấp hành. Đến ngày 16/8/2023, C đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART Start4, màu trắng, đã qua sử dụng của V.V.B; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme, đã qua sử dụng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã qua sử dụng của N.H.C.

Ngày 21/6/2023, Cơ quan điều tra trưng cầu giám định ADN, xâm hại tình dục trẻ em đối với cháu C.T.T, cháu T.M.N, cháu B.M.S.

Tại Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 1907/KLTDTE-TTPY ngày 28/12/2023, Trung tâm Pháp y Sở Y tế Hà Nội kết luận: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của cháu C.T.T tại thời điểm giám định là không có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể và không xác định được cơ chế hình thành thương tích. Màng trinh dạng vành khăn, có vết rách cũ vị trí 06 giờ, không có vết rách mới, lỗ màng trinh dãn, không sây sát bầm tím. Tại thời điểm giám định màng trinh của cháu C.T.T là vết rách cũ đã liền sẹo nên không xác định được thời điểm rách màng trinh. Bộ phận sinh dục của cháu T bình thường. Xét nghiệm dấu vết tinh dịch: Âm tính. Xét nghiệm HIV: Âm tính.* Tại Kết luận giám định ADN số HT782.23/ PY-XNSH ngày 28/12/2023, Viện Pháp y Quân đội kết luận: *Không phát hiện thấy ADN nhiễm sắc thể Y từ dấu vết trên tăm bông thu mẫu dịch âm đạo của cháu C.T.T gửi giám định.*

Tại Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 1924/KLTDTE-TTPY ngày 29/12/2023, Trung tâm Pháp y Hà Nội kết luận: *Tại thời điểm giám định cháu T.M.Nkhông có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Màng trinh không có vết rách mới và cũ, lỗ màng trinh nhỏ, không sây sát bầm tím. Màng trinh dạng hình ống tròn có hai lưỡi gà vị trí 6 giờ và 12 giờ. Bộ phận sinh dục của cháu N bình thường. Xét nghiệm dấu vết tinh dịch: Âm tính. Xét nghiệm HIV: Âm tính.* Tại Kết luận giám định ADN số HT780.23/PY-XNSH ngày 28/12/2023, Viện Pháp y Quân đội kết luận: *Không phát hiện thấy ADN nhiễm sắc thể Y từ dấu vết trên tăm bông thu mẫu lau rửa bộ phận sinh dục của cháu T.M.N gửi giám định.*

Tại Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số 1908/KLTDTE-TTPY ngày 28/12/2023, Trung tâm Pháp y Hà Nội kết luận: *Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của cháu B.M.S tại thời điểm giám định là không có tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể. Bộ phận sinh dục của cháu B.M.S bình thường, không sây sát, sưng nề, bầm tím. Màng trinh dạng vành khăn, lỗ màng trinh dãn rộng, có vết rách cũ nông vị trí 9 giờ, không có vết rách mới, không sây sát, bầm tím. Vết rách cũ đã liền sẹo nên không xác định được thời gian vết rách. Xét nghiệm HIV: Âm tính.* Tại Kết luận giám định ADN số HT781.23/PY-XNSH ngày 28/12/2023, Viện Pháp y Quân đội kết luận: *Không phát hiện thấy ADN nhiễm sắc thể Y từ dấu vết trên tăm bông thu mẫu dịch âm đạo và dấu vết trên quần lót cháu B.M.S gửi giám định.*

Tại Cơ quan điều tra, ban đầu N.H.C khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, sau đó C thay đổi lời khai, chỉ thừa nhận có hành vi dâm ô đối với cháu

S tại nhà nghỉ L, không thừa nhận hành vi dâm ô đối với cháu T, cháu N, không thừa nhận hành vi giữ người trái pháp luật đối với cháu T, cháu N, cháu S.

Đối với V.V.B là người giúp sức tích cực cho C trong việc giữ cháu T, cháu N, cháu S trái pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật, B mới 14 tuổi 3 tháng 17 ngày, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự, B không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với P.T.H4 (Vợ của C), N.T.H.U (Con của C) không tham gia và không biết việc C giữ cháu T, cháu N, cháu S trái pháp luật, nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với việc P.T.H4, N.T.H.U dùng tay đánh cháu S tại cửa hàng quần áo HƯ, cháu S không có yêu cầu do thương tích không đáng kể, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với anh N.V.T2, anh L.M.T3, anh N.T.H5 là những người đã chuyển tiền thanh toán cho C, kết quả điều tra không có căn cứ xác định anh T2, anh T3, anh H5 liên quan đến việc C giữ người trái pháp luật và dâm ô cháu S, cháu N, cháu T, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Về dân sự: Cháu B.M.S yêu cầu C phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Cháu C.T.T hiện tại vắng mặt tại địa phương, gia đình không rõ đi đâu làm gì. Ông C.V.B (Bố đẻ cháu T) - đại diện gia đình cháu T không yêu cầu C bồi thường dân sự do có hành vi dâm ô cháu T. Cháu T.M.N hiện tại vắng mặt tại địa phương, không biết đi đâu làm gì, nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được yêu cầu bồi thường dân sự.

Cơ quan điều tra đã xác minh nhân thân, lai lịch đối với cháu L.T.Y, cháu Đ.T.H theo lời khai của cháu T, cháu N, cháu S, nhưng không xác định được, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với 01 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme, đã qua sử dụng là của N.H.C; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã qua sử dụng là của cháu T.M.N; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART Start4, màu trắng, đã qua sử dụng là của V.V.B.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKS-TT ngày 29/01/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố N.H.C về tội Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 146 Bộ luật Hình sự và tội Giữ người trái pháp luật quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị hại là cháu T, cháu N, cháu S và bố mẹ đẻ của các cháu đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt, có người đại diện hợp pháp là bà B.T.M1 - Hội trưởng Hội phụ nữ xã T, huyện T, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu B và bố mẹ đẻ của cháu B đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt, có người đại diện hợp pháp là bà L.T.H -

Chuyên viên Huyện đoàn T, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa. Do đó, Tòa án vẫn xét xử vụ án vắng mặt cháu T, cháu N, cháu S, cháu B.

Bị cáo C khai chỉ thực hiện hành vi dâm ô đối với cháu S 01 lần, không thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật đối với cháu T, cháu N, cháu S và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu T, cháu N, cháu S phát biểu: Bị cáo C không nhận tội Giữ người trái pháp luật và tội Dâm ô đối với cháu T, cháu N, nhưng cháu B và các bị hại đã khai đầy đủ sự việc, đúng như Kết luận điều tra và Cáo trạng, đề nghị Tòa án ra bản án nghiêm minh, đúng người, đúng pháp luật. Về dân sự: Đề nghị Tòa án buộc bị cáo C bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng cho cháu S. Trường hợp bị cáo nhận tôi và tự nguyện bồi thường thiệt hại, thì đề nghị Tòa án giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của cháu T, cháu N, cháu S nhất trí với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu B phát biểu: Cháu B được14 tuổi 3 tháng 17 ngày khi thực hiện hành vi giúp sức cho bị cáo C giữ người trái pháp luật, nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án tuyên trả lại điện thoại cho cháu B. Trường hợp bị cáo C nhận tội, thì đề nghị Tòa án giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của cháu B nhất trí với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm điểm b, c khoản 2 Điều 146; điểm d, đ, e khoản 2 Điều 157; Điều 38, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N.H.C mức án từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù về tội Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi và mức án từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù về tội Giữ người trái pháp luật, tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt từ 8 năm đến 9 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo C bồi thường cho cháu S 20.000.000 đồng. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 11.810.000 đồng do bị cáo C thu lời bất chính. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme, đã qua sử dụng của N.H.C; Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART Start4, màu trắng, đã qua sử dụng của V.V.B; Trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã qua sử dụng cho cháu T.M.N. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ ngày 01/6/2023 đến ngày 20/6/2023, tại phòng trọ ở thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội và cửa hàng quần áo HƯ ở Đội ..., xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội, N.H.C đã có hành vi khóa cửa phòng, giữ cháu C.T.T và từ ngày 11/6/2023 đến ngày 20/6/2023 giữ cháu T.M.N, cháu B.M.S trái pháp luật. C trực tiếp và thuê V.V.B trông coi, giám sát, không cho các bị hại bỏ trốn. Khi các quán hát karaoke có nhu cầu, C trực tiếp hoặc phân công B đưa các bị hại đến làm tiếp viên tại quán hát karaoke .... và quán cà phê ABC ở xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội, sau đó đưa các bị hại về phòng trọ, nhốt lại. Tiền công của các bị hại do quán hát thanh toán là 250.000 đồng/ca/người, bằng chuyển khoản đến tài khoản số 889999.... của P.T.H4 (Vợ C) tại Ngân hàng TMCP Quân đội, trong đó C hưởng 70.000 đồng, khấu trừ tiền ăn, sinh hoạt, mua quần áo, thuê trọ, còn lại là tiền của các bị hại, nhưng C giữ lại, chưa chia trả. Sau khi anh T.T.T là chú họ của cháu S đến Công an xã Đ trình báo, hồi 15 giờ ngày 20/6/2023, Công an xã Đ kiểm tra, phát hiện và giải cứu cháu T, cháu N, cháu S đang bị C giữ tại cửa hàng quần áo HƯ. Mặc dù C không thừa nhận hành vi giữ người trái pháp luật, nhưng căn cứ lời khai của cháu T, cháu N, cháu S, cháu B, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Giữ người trái pháp luật quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự (*Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với 02 người trở lên; Đối với người dưới 18 tuổi*). Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Cũng trong thời gian trên, tại quán karaoke ... ở xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội, C đã có hành vi dâm ô đối với cháu T, cháu N, cháu S; tại phòng trọ ở thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội, C đã có hành vi dâm ô đối với cháu T, cháu N, cháu S; tại tầng 2, nhà nghỉ L (Số ..., cụm ..., xã D, huyện T, thành phố Hà Nội), C đã có hành vi dâm ô đối với cháu S. Tại thời điểm C thực hiện hành vi dâm ô, cháu T được 14 tuổi 05 tháng, cháu N được 11 tuổi 5 tháng 23 ngày,

cháu S được 13 tuổi 6 tháng 24 ngày. Mặc dù C không thừa nhận hành vi dâm ô đối với cháu T, cháu N, nhưng căn cứ lời khai của cháu T, cháu N, cháu S và lời khai ban đầu của C khi đến đầu thú, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự (*Phạm tội 02 lần trở lên; Đối với 02 người trở lên*). Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo C đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo C đã thuê, chỉ đạo V.V.B là người dưới 18 tuổi giúp sức cho C trong việc giữ cháu T, cháu N, cháu S trái pháp luật, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo C có nhân thân xấu, gồm 01 tiền án về tội Dâm ô đối với trẻ em, đã được cơ quan pháp luật giáo dục, nhưng vẫn phạm tội.

[6] Về quyết định hình phạt: Khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự quy định: "*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*". Khoản 2 Điều 146 của Bộ luật Hình sự quy định: "*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm*". Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng năng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, cần xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 146 của Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*". Tuy nhiên, do bị cáo không có nghề nghiệp, chức vụ, nên Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Cháu S bị C giữ trái pháp luật từ ngày 11/6/2023 đến ngày 20/6/2023 và bị C dâm ô. Cháu S yêu cầu C bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cáo, Tòa án chấp nhận yêu cầu của cháu S, buộc bị cáo C phải bồi thường thiệt hại do xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cháu S và bù đắp tổn thất về tinh thần cho cháu S bằng 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, tổng là 20.000.000 đồng. Cháu T, có bố đẻ là ông B1 làm người giám hộ, không yêu cầu C bồi thường thiệt hại, nên Tòa án không xem xét. Cháu N chưa đưa ra yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên cháu N có quyền khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng vụ án dân sự khác.

[9] Đối với V.V.B là người được bị cáo C thuê quản lý, giám sát, đưa các bị hại đến quán karaoke làm tiếp viên, sau đó đưa các bị hại về chỗ ở, khóa cửa, trông coi, không cho bỏ trốn. B đã giúp sức tích cực cho bị cáo C trong việc giữ cháu S, cháu N, cháu T trái pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện các hành vi trên, B mới 14 tuổi 3 tháng 17 ngày, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự, hành vi của B không cấu thành tội phạm.

[10] Đối với P.T.H4 (là vợ của C), N.T.H.U (là con của C) không biết, không tham gia việc C giữ cháu S, cháu N, cháu T trái pháp luật, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng. Đối với việc P.T.H4, N.T.H.U dùng tay đánh cháu S tại cửa hàng quần áo HƯ, cháu S không có yêu cầu do thương tích không đáng kể, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng.

[11] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 11.810.000 đồng do N.T.H5, N.V.T.2, L.M.T3 chuyển khoản cho bị cáo C từ ngày 02/6/2023 đến ngày 19/6/2023 là tiền công trả cho các bị hại, có liên quan trực tiếp đến tội phạm, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme, đã qua sử dụng là tài sản của N.H.C, được C sử dụng vào việc phạm tội Giữ người trái pháp luật, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã qua sử dụng là tài sản của cháu Triệu Mùi N, nên trả lại cho cháu N. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART Start4, màu trắng, đã qua sử dụng là tài sản của V.V.B, do hành vi của B không cấu thành tội phạm, nên trả lại cho B.

[13] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với N.T.H5, N.V.T2, L.M.TE, từ ngày 02/6/2023 đến ngày 19/6/2023, đã chuyển khoản tổng số tiền là 11.810.000 đồng đến tài khoản số 8899991987 của P.T.H4 (Vợ C) tại Ngân hàng TMCP Quân đội, quá trình điều tra xác định N.T.H5, N.V.T3, L.M.T4 không liên quan, không biết việc bị cáo C giữ người trái pháp luật và dâm ô đối với các bị hại, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo N.H.C phạm tội Giữ người trái pháp luật và Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

2. Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 157; điểm b, c khoản 2 Điều 146; khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự,

xử phạt N.H.C **04 (Bốn)** năm tù về tội Giữ người trái pháp luật và **04 (Bốn)** năm tù về tội Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **08 (Tám)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với N.H.C.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 02/2022/ NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc bị cáo N.H.C phải bồi thường thiệt hại do xâm phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cháu B.M.S và bù đắp tổn thất về tinh thần cho cháu B.M.S số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Cháu C.T.T không yêu cầu N.H.C bồi thường thiệt hại, nên Tòa án không xem xét.

- Cháu T.M.N có quyền khởi kiện vụ án dân sự về bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự, tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 11.810.000 đồng (Mười một triệu, tám trăm mười nghìn đồng) do bị cáo N.H.C phạm tội mà có.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme, số Imei: 862949052724289, đã qua sử dụng của N.H.C.

- Trả lại 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã qua sử dụng cho cháu T.M.N.

- Trả lại 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VSMART Start4, màu trắng, số Imei1: 355123113482377, số Imei2: 355123113482385, đã qua sử dụng cho cháu V.V.B.

Vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/3/2024.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo N.H.C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đ (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Bị cáo N.H.C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các bị hại gồm cháu C.T.T, cháu T.M.N (Huyền), cháu B.M.S (Trang) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người đại diện của các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của các bị hại trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu V.V.B có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu V.V.B có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của cháu B trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam